

QUYẾT ĐỊNH
Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2016
Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 53/2012/QĐ-UBND ngày 26/11/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức hỗ trợ ngân sách nhà nước cho đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội xã nông thôn mới giai đoạn 2011-2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 340/TTr-SKHĐT ngày 29 tháng 12 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư XD CB năm 2016 - Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là **36.000 triệu đồng** theo biểu chi tiết đính kèm.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung các Quyết định khai kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2016 - Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ có liên quan của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Kho bạc Nhà nước các huyện, thành phố; các Chủ đầu tư và Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: *đang*

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- LĐVP, KTN;
- Lưu: VT.VPUBND tỉnh.

Hiệu 233. QĐ SKHĐT 2016

15



Dương Văn Thắng



**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN CUỐI NĂM 2016 - NGUỒN VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

(Kèm theo Quyết định số 3398 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Dự án	Quyết định Đầu tư	Mạng lưới thiết kế	Địa điểm	Kho bạc Nhà nước nơi chủ đầu tư mở tài khoản	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Thời gian KC-HT	TMDT		Tỷ lệ tính hỗ trợ (%)	Lũy kế vốn bố trí đến 31/12/2015	Kế hoạch vốn TPCP năm 2016			Ghi chú
									Tổng	Trong đó: Dự phòng			Trước khi điều chỉnh	Tăng (+)/ Giảm (-)	Sau khi điều chỉnh	
	TỔNG CỘNG								84.542	9.773			36.000	0	36.000	
	Huyện Hòa Thành								3.509	284			638	0	638	
	Xã Long Thành Nam								3.509	284			638	0	638	
	Giao thông								3.509	284			638	0	638	
	Dự án khởi công mới								3.509	284			638	0	638	
1	Hẻm số 16 Nguyễn Văn Cừ (tuyến độc)	1215/QĐ-UBND 30/10/2015; 2225/QĐ-UBND 08/7/2016 (đ/c);	Dài 1694.36m, láng nhựa TC 3.0kg/m2 rộng 3.5m	Long Thành Nam	Kho bạc NN huyện Hòa Thành	7560409	223	2016	3.509	284	50%		638	0	638	
	Huyện Tân Biên								12.190	1.689			4.498	0	4.498	
	Xã Tân Phong								3.463	591			638	0	638	
	Giao thông nông thôn								3.463	591			638	0	638	
	Dự án khởi công mới								3.463	591			638	0	638	
1	Đường Tân Phong 34 (đoạn I, II)	1047/QĐ-UBND 28/10/2015; 669/QĐ- UBND 13/6/2016 (đ/c)	6985 m sỏi	Tân Phong	KBNN huyện Tân Biên	7555352	223	2016-2017	3.463	591	70%		638	0	638	
	Xã Hòa Hiệp								5.233	607			1.930	0	1.930	
	Giao thông nông thôn								5.233	607			1.930	0	1.930	
	Dự án khởi công mới								5.233	607			1.930	0	1.930	
1	Đường Chàng Rục - Sóc Thiết	1093/QĐ-UBND 29/10/2015; 660/QĐ- UBND 06/6/2016 (đ/c)	2561 m N		KBNN huyện Tân Biên	7571989	223	2016-2017	5.233	607	70%		1.930	0	1.930	
	Xã Tân Bình								3.494	491			1.930	0	1.930	
	Giao thông nông thôn								3.494	491			1.930	0	1.930	
	Dự án khởi công mới								3.494	491			1.930	0	1.930	
1	Đường Tân Minh từ cây xăng đến xã Tân Lập	1074/QĐ-UBND 29/10/2015; 658/QĐ- UBND 06/6/2016 (đ/c)	1767 m N		KBNN huyện Tân Biên	7571990	223	2016-2017	3.494	491	70%		1.930	0	1.930	
	Huyện Gò Dầu								1.991	159			638	0	638	
	Xã Bàu Đồn				KBNN huyện Gò Dầu				1.991	159			638	0	638	
	Thủy lợi								1.991	159			638	0	638	
	Dự án khởi công mới								1.991	159			638	0	638	
1	Bê tông hoá kênh N7A-1	754/QĐ-UBND 30/10/2015; 415/QĐ- UBND 30/6/2016	tươi 39 ha	Bàu Đồn		7552370	016	2015-2016	938	75	70%		318	0	318	
2	Bê tông hoá kênh N12-2-3 xã Bàu Đồn	750/QĐ-UBND 30/10/2015; 416/QĐ- UBND 30/6/2016	tươi 40 ha	Bàu Đồn		7552416	016	2015-2016	1.053	84	70%		320	0	320	
	Huyện Dương Minh Châu								2.113	218			638	0	638	

Đã xem

Stt	Dự án	Quyết định Đầu tư	Năng lực thiết kế	Địa điểm	Kho bạc Nhà nước nơi chủ đầu tư mở tài khoản	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Thời gian KC-HT	TMDT		Tỷ lệ tinh hỗ trợ (%)	Lũy kế vốn bố trí đến 31/12/2015	Kế hoạch vốn TPCP năm 2016			Ghi chú
									Tổng	Trong đó: Dự phòng			Trước khi điều chỉnh	Tăng (+)/ Giảm (-)	Sau khi điều chỉnh	
	Giao thông								2.113	218			638	0	638	
	Dự án khởi công mới								2.113	218			638	0	638	
1	Đường số 11 ấp Phước Lễ	114/QĐ-UBND 29/10/2015; 670/QĐ-UBND 10/3/2016 (đ/c); 2300/QĐ-UBND 01/7/2016 (đ/c)	706m, sỏi đỏ	Phước Ninh	Kho bạc NN huyện Dương Minh Châu	7577641	223	2015-2016	861	90	50%		258	0	258	
2	Đường số 4 ấp Phước Hội	92/QĐ-UBND 29/10/2015; 645/QĐ-UBND 10/3/2016 (đ/c); 2301/QĐ-UBND 01/7/2016 (đ/c)	368m, sỏi đỏ	Phước Ninh	Kho bạc NN huyện Dương Minh Châu	7577642	223	2015-2016	587	60	50%		200	0	200	
3	Đường số 4 ấp Phước Tân	85/QĐ-UBND 29/10/2015; 654/QĐ-UBND 10/3/2016 (đ/c); 2302/QĐ-UBND 01/7/2016 (đ/c)	577m, sỏi đỏ	Phước Ninh	Kho bạc NN huyện Dương Minh Châu	7577640	223	2015-2016	665	68	50%		180	0	180	
	Huyện Trảng Bàng								7.928	839			4.498	0	4.498	
	Xã Phước Chỉ								2.169	234			1.930	0	1.930	
	Giao thông								2.169	234			1.930	0	1.930	
	Dự án khởi công mới								2.169	234			1.930	0	1.930	
1	Láng nhựa đường Rạch Me (Điểm đầu: Khu vực Đình; Điểm cuối: Giáp ruộng Ông Hồng)	4401/QĐ-UBND 30/10/2015; 1955/QĐ-UBND 23/6/2016 (đ/c)	Láng nhựa với chiều dài 1.300m, rộng 3,5m	Xã Phước Chỉ	Kho bạc NN huyện Trảng Bàng	7572784	223	2015-2017	2.169	234	100%		1.930	0	1.930	
	Xã Bình Thạnh								2.288	216			1.930	0	1.930	
	Giao thông								2.288	216			1.930	0	1.930	
	Dự án khởi công mới								2.288	216			1.930	0	1.930	
1	Láng nhựa đường Cánh Bắc Bình Phú	4403/QĐ-UBND 30/10/2015; 1958/QĐ-UBND 23/6/2016	Láng nhựa với chiều dài 1.787m, rộng 3,5m	Xã Bình Thạnh	Kho bạc NN huyện Trảng Bàng	7572791	223	2015-2017	2.288	216	100%		1.930	0	1.930	
	Xã Lộc Hưng								3.471	389			638	0	638	
	Giao thông								3.471	389			638	0	638	
	Dự án khởi công mới								3.471	389			638	0	638	
1	Đường nhựa Đường liên ấp (Lộc Bình - Lộc Vĩnh)	4429/QĐ-UBND 30/10/2015; 1987/QĐ-UBND 29/6/2016	Láng nhựa với chiều dài 1.927,7m, rộng 3,5m	Xã Lộc Hưng	Kho bạc NN huyện Trảng Bàng	7572796	223	2015-2016	3.471	389	50%		638	0	638	
	Huyện Châu Thành								32.652	2.854			11.580	0	11.580	
I	Xã Thành Long								5.119	408			1.930	0	1.930	
	Giao thông								5.119	408			1.930	0	1.930	
	Dự án khởi công mới								5.119	408			1.930	0	1.930	

Tham

Stt	Dự án	Quyết định Đầu tư	Năng lực thiết kế	Địa điểm	Kho bạc Nhà nước nơi chủ đầu tư mở tài khoản	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Thời gian KC-HT	TMDT		Tỷ lệ tính hỗ trợ (%)	Lũy kế vốn bố trí đến 31/12/2015	Kế hoạch vốn TPCP năm 2016			Ghi chú
									Tổng	Trong đó: Dự phòng			Trước khi điều chỉnh	Tăng (+)/ Giảm (-)	Sau khi điều chỉnh	
1	Đường cấp hồng trường trung học cơ sở Thành Long ĐT 781-ĐT 796 ấp Nam Bến Sỏi xã Thành Long	106/QĐ-UBND 31/3/2016; 273/QĐ-UBND 27/7/2016 (đ/c)	Láng nhựa dài 2.834m; nền đường rộng 5m	Xã Thành Long	Kho bạc NN huyện Châu Thành	7579419	223	2016-2018	5.119	408			1.930	0	1.930	
II	Xã Hòa Thạnh								3.548	277			1.930	0	1.930	
	Giao thông								3.548	277			1.930	0	1.930	
	Dự án khởi công mới								3.548	277			1.930	0	1.930	
1	Đường Hòa Hợp xã Hòa Thạnh	105/QĐ-UBND 31/3/2016; 271/QĐ-UBND 27/7/2016 (đ/c)	Sỏi đỏ, dài 3.684,7m; nền đường rộng 5m	Xã Hòa Thạnh	Kho bạc NN huyện Châu Thành	7579412	223	2016-2018	2.522	196			1.700	0	1.700	
2	Đường Ba Giản (Đường Hốc Bò Đê ấp Hiệp Phước xã Hòa Thạnh)	28/QĐ-UBND 17/02/2016; 270/QĐ-UBND 27/7/2016 (đ/c)	Láng nhựa dài 508,2m; mặt đường rộng 3,5m	Xã Hòa Thạnh	Kho bạc NN huyện Châu Thành	7579417	223	2016-2018	1.026	81			230	0	230	
III	Xã Hòa Hội								6.405	592			1.930	0	1.930	
	Giao thông								6.405	592		2.500	1.930	0	1.930	
	Dự án chuyển tiếp								3.340	305		2.500	426	67	493	
1	Đường vào Hóc kỳ tổ 7 ấp Bồ Lớn xã Hòa Hội	233/QĐ-UBND 24/10/2014; 101/QĐ-UBND 07/5/2015; 289/QĐ-UBND 04/8/2016	1.773 m sỏi đỏ; bề rộng mặt đường 3m	xã Hòa Hội	Kho bạc NN huyện Châu Thành	7530300	223	2015-2016	1.329	196		900	200	20	220	
2	Đường suối Cây Sôm lên bờ đê ấp Bồ Lớn xã Hòa Hội	274/QĐ-UBND 24/10/2014; 290/QĐ-UBND 04/8/2016	900 m sỏi đỏ; bề rộng mặt đường 3m	xã Hòa Hội	Kho bạc NN huyện Châu Thành	7530299	223	2015-2016	665	109		300	200	47	247	
3	Đường chốt Bồ Lớn lên đê ấp Bồ Lớn xã Hòa Hội	285/QĐ-UBND 3/8/2016		xã Hòa Hội	Kho bạc NN huyện Châu Thành	7517676	223	2015	1.346			1.300	26	0	26	
	Dự án khởi công mới								3.065	287			1.504	-67	1.437	
1	Đường cầu Bông trâm vào hóc kỳ, ấp Bồ Lớn, xã Hòa Hội	313/QĐ-UBND 23/10/2015; 272/QĐ-UBND 27/7/2016 (đ/c)	Sỏi đỏ dài 792m; mặt đường rộng 3m	Xã Hòa Hội	Kho bạc NN huyện Châu Thành	7579673	223	2015-2016	630	59			280	0	280	
1	Đường tổ 6 ra Gò Tháp ấp Bung Rò xã Hòa Hội	415/QĐ-UBND 24/10/2015; 274/QĐ-UBND 27/7/2016	785m sỏi đỏ; bề rộng mặt đường 5m	xã Hòa Hội	Kho bạc NN huyện Châu Thành	7579672	223	2016-2018	971	91			824	-7	817	

Stt	Dự án	Quyết định Đầu tư	Năng lực thiết kế	Địa điểm	Kho bạc Nhà nước nơi chủ đầu tư mở tài khoản	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Thời gian KC-HT	TMĐT		Tỷ lệ tính hỗ trợ (%)	Lũy kế vốn bố trí đến 31/12/2015	Kế hoạch vốn TPCP năm 2016			Ghi chú
									Tổng	Trong đó: Dự phòng			Trước khi điều chỉnh	Tăng (+)/ Giảm (-)	Sau khi điều chỉnh	
2	Đường ND 10-13 ấp Lưu Văn Vằng xã Hòa Hội	117/QĐ-UBND 31/3/2016; 275/QĐ-UBND 27/7/2016	640m sồi đỏ; bề rộng mặt đường 5m	xã Hòa Hội	Kho bạc NN huyện Châu Thành	7577913	223	2016-2018	1.464	137			400	-60	340	Vốn CT 135 đã bố trí năm 2016: 859 trđ
IV	Xã Biên Giới								4.832	306			1.930	0	1.930	
	Thủy lợi								773	116			300	0	300	
	Dự án khởi công mới								773	116			300	0	300	
1	Nạo vét kênh tiêu biên giới TP2 từ K0+00: K1+772	293/QĐ-UBND 22/10/2015; 269/QĐ-UBND 27/7/2016 (đ/c)	Dài 1.772m; DT lưu vực 742 ha; lưu lượng thiết kế 8,91m³/s; chiều rộng đáy kênh 10m	Xã Biên Giới	Kho bạc NN huyện Châu Thành	7580078	016	2016-2017	773	116			300	0	300	
	Giao thông nông thôn								4.059	190		1.727	1.630	0	1.630	
	Dự án chuyển tiếp								1.732			1.727	5	0	5	
1	Đường tổ 7 Dân tộc xã Biên Giới huyện Châu Thành	240/QĐ-UBND 5/7/2016		xã Biên Giới	Kho bạc NN huyện Châu Thành	7511435	223	2015	1.732			1.727	5	0	5	
	Dự án khởi công mới								2.327	190			1.625	0	1.625	
1	Nâng cấp đường tổ 4 ấp Tân Định	92/QĐ-UBND 30/3/2016; 268/QĐ-UBND 27/7/2016	1.200m sồi đỏ; nền đường rộng 5m	xã Biên Giới	Kho bạc NN huyện Châu Thành	7579670	223	2016-2018	1.574	127			1.395	0	1.395	
2	Đường từ cổng chào Tân Long đi nghĩa đại ấp Tân Long xã Biên Giới	441/QĐ-UBND 24/10/2015; 341/QĐ-UBND 26/8/2016	700,05m sồi đỏ; bề rộng mặt đường 6m	xã Biên Giới	Kho bạc NN huyện Châu Thành	7582474	223	2016-2018	753	63			230	0	230	
V	Xã Ninh Diên								3.300	279			1.930	0	1.930	
	Giao thông								3.300	279			1.930	0	1.930	
	Dự án khởi công mới								3.300	279			1.930	0	1.930	
1	Đường nội đồng 16 xã Ninh Diên	115/QĐ-UBND 31/3/2016; 267/QĐ-UBND 27/7/2016 (đ/c)	Sồi đỏ dài 6.426,87m; mặt đường rộng 5m	Xã Ninh Diên	Kho bạc NN huyện Châu Thành	7579390	223	2016-2018	3.300	279			1.930	0	1.930	
VI	Xã Phước Vinh								9.448	992			1.930	0	1.930	
	Giao thông								9.448	992		1.102	1.930	0	1.930	
	Dự án chuyển tiếp								2.364	420		1.102	650	0	650	
1	Đường ấp 2 xã Phước Vinh	1920/QĐ-UBND 24/10/2014 294/QĐ-UBND 4/8/2016	992 m sồi đỏ; bề rộng mặt đường 3,5m	xã Phước Vinh	Kho bạc NN huyện Châu Thành	7529785	223	2015-2016	1.303	231		602	350	0	350	
2	Đường số 122 và đường số 124 ấp Phước Trung xã Phước Vinh	1918/QĐ-UBND 24/10/2014; 291/QĐ-UBND 4/8/2016	880 m sồi đỏ	xã Phước Vinh	Kho bạc NN huyện Châu Thành	7525274	223	2015-2016	1.061	189		500	300	0	300	
	Dự án khởi công mới								7.084	572			1.280	0	1.280	

Lucu

Stt	Dự án	Quyết định Đầu tư	Năng lực thiết kế	Địa điểm	Kho bạc Nhà nước nơi chủ đầu tư mở tài khoản	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Thời gian KC-HT	TMDT		Tỷ lệ tính hỗ trợ (%)	Lũy kế vốn bố trí đến 31/12/2015	Kế hoạch vốn TPCP năm 2016			Ghi chú
									Tổng	Trong đó: Dự phòng			Trước khi điều chỉnh	Tăng (+)/ Giảm (-)	Sau khi điều chỉnh	
1	Đường Phước Lập đi Bến Bàng Dung	80/QĐ-UBND 28/3/2016; 266/QĐ-UBND 27/7/2016 (đ/c)	Láng nhựa dài 3.070m; mặt đường rộng 3,5m	Xã Phước Vinh	Kho bạc NN huyện Châu Thành	7579401	223	2016-2018	7.084	572			1.280	0	1.280	
	Huyện Bến Cầu								15.673	2.889			5.790	0	5.790	
	Xã Long Thuận								6.584	1.290			1.930	0	1.930	
	Giao thông								6.584	1.290			1.930	0	1.930	
	Dự án khởi công mới								6.584	1.290			1.930	0	1.930	
1	Nhựa hóa tuyến đường Long An đến chốt biên phòng Long Hưng, xã Long Thuận (đoạn từ nhà ông Láng đến giáp ranh Campuchia)	2638/QĐ-UBND 11/10/2013; 786/QĐ-UBND 17/02/2015 (đ/c); 2197/QĐ-UBND 19/7/2016 (đ/c)	Láng nhựa chiều dài 3.955m, mặt đường rộng 3,5m, lề 2x0,75m bằng sỏi đỏ, suất đầu tư 374.000 đồng/m2	xã Long Thuận	Kho bạc NN huyện Bến Cầu	7581400	223	2015-2017	6.584	1.290			1.930	0	1.930	xã biên giới
	Xã Tiên Thuận								6.879	1.348			1.930	0	1.930	
	Giao thông								6.879	1.348			1.930	0	1.930	
	Dự án khởi công mới								6.879	1.348			1.930	0	1.930	
1	Láng nhựa tuyến đường từ TL786 đến chốt biên phòng cầu Trảng, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu	2037/QĐ-UBND 11/10/2013; 785/QĐ-UBND 17/02/2015 (đ/c); 2198/QĐ-UBND 19/7/2016 (đ/c)	Láng nhựa chiều dài 2.020m, mặt đường rộng 6m, lề 2x0,75m bằng sỏi đỏ, suất đầu tư 374.000 đồng/m2	xã Tiên Thuận	Kho bạc NN huyện Bến Cầu	7565447	223	2015-2017	6.879	1.348			1.930	0	1.930	xã biên giới
	Xã Lợi Thuận								2.210	251			1.930	0	1.930	
	Giao thông								1.174	111			1.063	0	1.063	
	Dự án khởi công mới								1.174	111			1.063	0	1.063	
1	Láng nhựa đường trục chính nội đồng (tuyến đường từ bến Đất Cục - ấp Thuận Hòa, xã Lợi Thuận)	481/QĐ-UBND 29/2/2016	Láng nhựa chiều dài 555m, mặt đường rộng 3,5m, lề 2x0,75m bằng sỏi đỏ, suất đầu tư 466.000 đồng/m2	xã Lợi Thuận	Kho bạc NN huyện Bến Cầu	7581373	223	2016-2018	1.174	111			1.063	0	1.063	
	Giáo dục								1.036	140			867	0	867	
	Dự án khởi công mới								1.036	140			867	0	867	
	Sửa chữa Trường THCS Lợi Thuận	1258/QĐ-UBND 24/3/2016	1.182m ²	xã Lợi Thuận	Kho bạc NN huyện Bến Cầu	7592543	493	2016-2018	1.036	140			867	0	867	
II	Huyện Tân Châu								8.486	841			7.720	0	7.720	

Stt	Dự án	Quyết định Đầu tư	Năng lực thiết kế	Địa điểm	Kho bạc Nhà nước nơi chủ đầu tư mở tài khoản	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Thời gian KC-HT	TMĐT		Tỷ lệ tính hỗ trợ (%)	Lũy kế vốn bố trí đến 31/12/2015	Kế hoạch vốn TPCP năm 2016			Ghi chú
									Tổng	Trong đó: Dự phòng			Trước khi điều chỉnh	Tăng (+)/ Giảm (-)	Sau khi điều chỉnh	
	Xã Tân Đông								2.161	241			1.930	0	1.930	xã biên giới
	Giao thông								2.161	241			1.930	0	1.930	
	Dự án khởi công mới								2.161	241			1.930	0	1.930	
1	BTXM đường ĐTH.02 Đông Thành, xã Tân Đông	2558a/QĐ-UBND 30/10/2015; 685a/QĐ-UBND 25/3/2016 (đ/c); 1889/QĐ-UBND 29/7/2016(đ/c)	482,4m BTXM; bề rộng mặt đường 3,5m	xã Tân Đông	Kho bạc NN huyện Tân Châu	7562195	223	2015-2016	574	64			510	0	510	
2	Đường BTXM ĐB.05 ấp Đông Biên, xã Tân Đông	655a/QĐ-UBND 18/3/2016; 1890/QĐ-UBND 29/7/2016 (đ/c)	289,97m BTXM; bề rộng mặt đường 3,5m	xã Tân Đông	Kho bạc NN huyện Tân Châu	7580639	223	2016-2017	531	59			477	0	477	
3	Đường BTXM ĐT 08 ấp Đông Tiến, xã Tân Đông	641a/QĐ-UBND 17/3/2016; 1891/QĐ-UBND 29/7/2016 (đ/c)	360m BTXM; bề rộng mặt đường 3,5m	xã Tân Đông	Kho bạc NN huyện Tân Châu	7580636	223	2016-2017	493	55			444	0	444	
4	Đường BTXM ĐL 07 ấp Đông Lợi, xã Tân Đông	658a/QĐ-UBND 22/3/2016; 1892/QĐ-UBND 29/7/2016 (đ/c)	358,9m BTXM; bề rộng mặt đường 3,5m	xã Tân Đông	Kho bạc NN huyện Tân Châu	7580630	223	2016-2017	563	63			499	0	499	
	Xã Tân Hòa								2.121	224			1.930	0	1.930	xã biên giới
	Giao thông								2.121	224			1.930	0	1.930	
	Dự án khởi công mới								2.121	224			1.930	0	1.930	
1	Đường Tân Hòa 2 (đoạn 3)	2547/QĐ-UBND 29/10/2015; 1423/QĐ-UBND 13/6/2016 (đ/c); 1893/QĐ-UBND 29/7/2016(đ/c)	1.000m Láng nhựa; bề rộng mặt đường 3,5m	xã Tân Hòa	Kho bạc NN huyện Tân Châu	7558374	223	2015-2016	1.675	188			1.540	0	1.540	
2	Đường BTXM ấp Cây Cày, xã Tân Hòa	690a/QĐ-UBND 25/3/2016; 1894/QĐ-UBND 29/7/2016 (đ/c)	290m BTXM; bề rộng mặt đường 3,5m	xã Tân Hòa	Kho bạc NN huyện Tân Châu	7580423	223	2016-2017	446	36			390	0	390	
	Xã Suối Ngõ								2.147	146			1.930	0	1.930	xã biên giới
	Giao thông								1.818	131			1.616	0	1.616	
	Dự án khởi công mới								1.818	131			1.616	0	1.616	
1	Cải tạo nâng cấp sỏi đỏ đường lô 2, lô 3, xã Suối Ngõ	689a/QĐ-UBND 25/3/2016; 1895/QĐ-UBND 29/7/2016 (đ/c)	6.836,98m sỏi đỏ; bề rộng mặt đường 5m	xã Suối Ngõ	Kho bạc NN huyện Tân Châu	7580418	223	2016-2017	941	44			897	0	897	
2	Sửa chữa dặm và ổ gà đường vào nông trường đội 5	15/QĐ-UBND 15/3/2016	dặm và ổ gà	xã Suối Ngõ	Kho bạc NN huyện Tân Châu	7582996	223	2016	99				23	0	23	huyện đối ứng 76 triệu đồng

Stt	Dự án	Quyết định Đầu tư	Năng lực thiết kế	Địa điểm	Kho bạc Nhà nước nơi chủ đầu tư mở tài khoản	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Thời gian KC-HT	TMĐT		Tỷ lệ tình hỗ trợ (%)	Lũy kế vốn bố trí đến 31/12/2015	Kế hoạch vốn TPCP năm 2016			Ghi chú
									Tổng	Trong đó: Dự phòng			Trước khi điều chỉnh	Tăng (+)/ Giảm (-)	Sau khi điều chỉnh	
3	Nâng cấp đường tổ 2, ấp 6 (đoạn 2)	694a/QĐ-UBND 25/3/2016; 1898/QĐ-UBND 29/7/2016 (đ/c)	960m Sỏi đỏ; bề rộng mặt đường 5m	xã Suối Ngô	Kho bạc NN huyện Tân Châu	7580419	223	2016-2017	778	87			696	0	696	
	Giáo dục								329	15			314	0	314	
	Dự án khởi công mới								329	15			314	0	314	
1	Trường tiểu học Suối Ngô B, hạng mục: Nhà vệ sinh	302a/QĐ-UBND 04/02/2016; 1896/QĐ-UBND 29/7/2016 (đ/c)	40m2	xã Suối Ngô	Kho bạc NN huyện Tân Châu	7580421	492	2016	149	7			142	0	142	
2	Trường tiểu học Suối Ngô C, hạng mục: Sân nền	311/QĐ-UBND 05/02/2016; 1897/QĐ-UBND 29/7/2016 (đ/c)	xây dựng sân nền 803,01m2	xã Suối Ngô	Kho bạc NN huyện Tân Châu	7580420	492	2016	180	8			172	0	172	
	Xã Tân Hà								2.057	230			1.930	0	1.930	xã biên giới
	Giao thông								2.057	230			1.930	0	1.930	
	Dự án khởi công mới								2.057	230			1.930	0	1.930	
1	Đường TAH 12 (đoạn 2)	687a/QĐ-UBND 25/3/2016; 1899/QĐ-UBND 29/7/2016 (đ/c)	205m BTXM; bề rộng mặt đường 3,5m	xã Tân Hà	Kho bạc NN huyện Tân Châu	7583192	223	2016-2017	327	36			304	0	304	
2	Đường TAH 04 (nhà cô Hằng Nghị đi vào cuối ló)	686a/QĐ-UBND 25/3/2016; 1900/QĐ-UBND 29/7/2016 (đ/c)	455m BTXM; bề rộng mặt đường 3,5m	xã Tân Hà	Kho bạc NN huyện Tân Châu	7582991	223	2016-2017	716	81			661	0	661	
3	Đường TAH 15 (đường ĐT.785 vào tổ 3 ấp Tân Cường)	688a/QĐ-UBND 25/3/2016; 1901/QĐ-UBND 29/7/2016 (đ/c)	839,1m BTXM; bề rộng mặt đường 3,5m	xã Tân Hà	Kho bạc NN huyện Tân Châu	7581116	223	2016-2017	1.014	113			965	0	965	

Thư